

THÔNG BÁO
Kết quả xét miễn, giảm học phí học kỳ II
năm học 2025-2026 của sinh viên

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 434/QĐ-ĐHXDMT ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Xây dựng Miền Trung ban hành Quy định về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;

Căn cứ kết luận của Hội đồng xét miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2025-2026 đối với sinh viên.

Căn cứ hồ sơ miễn, giảm học phí của sinh viên nộp về phòng Công tác sinh viên, Hội đồng Nhà trường đã tiến hành họp xét. Kết quả xét miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2025-2026 như sau:

(có danh sách kèm theo)

Sinh viên có ý kiến về kết quả xét miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2025-2026 liên hệ trực tiếp về Phòng Công tác sinh viên để được hỗ trợ và giải đáp.

Lưu ý:

- Sinh viên hoàn thành đóng học phí học kỳ II năm học 2025-2026;
- Thời gian: từ khi ra thông báo đến hết ngày 21 tháng 5 năm 2026;
- Địa điểm: Phòng Công tác sinh viên Trường Đại học Xây dựng Miền Trung;
- Sinh viên chưa có tài khoản thẻ sinh viên ATM (Vietinbank) hoặc tài khoản không đúng cần phải bổ sung để hoàn thành hồ sơ thủ tục chi trả miễn, giảm học phí (sinh viên không thực hiện Nhà trường xử lý theo Quy định).

Thừa lệnh Hiệu trưởng, phòng Công tác sinh viên đề nghị trường các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, cố vấn học tập, lớp trưởng các lớp và sinh viên toàn trường thực hiện đúng nội dung của thông báo này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (b/c);
- Trưởng các đơn vị (phối hợp);
- Cố vấn học tập, các lớp SV (thực hiện);
- Niêm yết Website;
- Lưu: VT, CTSV.

TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SV

Lê Trọng Hoài

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026
(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXD/MT ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐHXD Miền Trung)

TT	Mã sinh viên	Họ và	Lớp	Đối tượng miễn giảm học phí	Phần % miễn giảm theo ND 238/2025	Số tiền học phí 01 tháng	Số tháng được nhận	Số tiền được nhận 05 tháng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	22Q75802011022	NGUYỄN VĂN CHUÔNG	D22XDK1	CCNMSLĐ	50%	1,850,000	05	4,625,000	
2	24Q75803011037	BLING Ý SU	D24KXC1	DTIN (cơ tu), XĐBKK	70%	1,850,000	05	6,475,000	
3	24Q75102051074	SO MINH CHÂU	D24COK1	DTIN (Chăm), XĐBKK	70%	1,850,000	05	6,475,000	
4	23Q75801031011	VY THỊ MINH NGUYỆT	D23KNT1	DTIN (Tày), XĐBKK	70%	1,850,000	05	6,475,000	
5	22Q73403012074	NGUYỄN THỊ THU NHÀN	D22KDC1	BTKT (tim bẩm sinh)	100%	1,590,000	05		Chưa đóng học phí
6	22Q75801011028	TRƯƠNG VĂN QUYẾN	D22KTR1	DTIN (chăm)- HN 2025	100%	1,850,000	05		Giấy chứng nhận HN, CN
7	22Q75802011040	NGUYỄN QUỲNH PHI HẢI	D22XDK1	CCNBNCĐHH	100%	1,850,000	05	9,250,000	
8	23Q74802012007	NGUYỄN LÊ HẢI TRIỀU	D23CTC2	BTKT (ung thư máu)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
9	23Q75102051034	BÙI ĐOÀN QUAN HOÀNG	D23COK1	BTKT	100%	1,850,000	05	9,250,000	
10	23DN5802011027	HUỶNH NGỌC TRUNG	D23X1DN	CMC (có trợ cấp)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
11	23DN5803021004	TỪ HỒ QUANG NINH	D23QX1DN	BTKT	100%	1,850,000	05	9,250,000	
12	22DN5803021014	TRẦN THANH TÙNG	D22QX1DN	BTKT	100%	1,850,000	05	9,250,000	

13	22DN5802011031	HUỶNH TẤN TÀI	D22X1DN	DTIN (Gié-Triêng), HN 2025	100%	1,850,000	05		Giấy chứng nhận HN, CN
14	23DN5802011019	PUIH ADĂM QUI	D23X1DN	DTIN (Jray), HCN 2025	100%	1,850,000	05		Giấy chứng nhận HN, CN
15	24Q74802011042	NGUYỄN TẤN TÀI	D24CTC1	CMC (có trợ cấp)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
16	24Q74802011094	NGUYỄN XUÂN ĐẠI	D24CTC1	BTKT (vận động nặng)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
17	24Q75102051097	PHAN THANH TUẤN	D24COK2	BTKT (tâm thần nặng)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
18	24D75802011012	TRẦN LÊ ĐỨC	D24XDK1DN	CTB	100%	1,850,000	05	9,250,000	
19	24D73401011009	BÙI XUÂN QUỲNH NHUNG	D24QHC1DN	CTB	100%	1,590,000	05	7,950,000	
20	23Q74802011028	RỜ Ô NẬU	D23CTC1	DTIN (Jray), XĐBKK	70%	1,850,000	05	6,475,000	
21	24Q75802011113	VỖ CHÍ VỸ	D24XDK3	BTKT (vận động nặng)	100%	1,850,000	05		Chưa đóng học phí
22	25Q75802011109	PHẠM VĂN TRỌNG	D25XDK2	DTIN (Chăm), XĐBKK	70%	1,850,000	05	6,475,000	
23	25Q73401013023	NGUYỄN VĂN TRÍ THIÊN	D25QHC1	CTB	100%	1,590,000	05	7,950,000	
24	25Q75801031009	LƯƠNG THANH NGÂN	D25KNT1	BTKT (Ung thư máu)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
25	25Q75803021010	TRƯỜNG CAO HOÀNG OANH	D25QXK1	DTIN (Raglay), XĐBKK	70%	1,850,000	05	6,475,000	
26	25Q73401013049	ĐẶNG HOÀNG NGUYỆT MY	D25QHC1	BTKT (thận)	100%	1,590,000	05		Chưa đóng học phí
27	25Q75102051034	KPĂ NGUYỄN HUY	D25COK1	DTIN (Êde), XĐBKK	70%	1,850,000	05	6,475,000	
28	25Q75102051112	LÊ HUY TRƯỜNG	D25COK1	DTIN (Bana), XĐBKK	70%	1,850,000	05	6,475,000	

29	24D74802011005	BÙI THÀNH ĐẠT	D24CTC1DN	DTIN (Mường), XĐBKK	70%	1,850,000	05	6,475,000	
30	24D75802011034	DOÃN THANH BẰNG	D24XDK1DN	DTIN (Cotu), XĐBKK	70%	1,850,000	05	6,475,000	
31	25D75102051063	NGUYỄN BÁ NHỰT	D25COK2DN	BTKT (nói)	100%	1,850,000	05	9,250,000	
32	25Q75102051066	BỀ XUÂN KHÔI	D25COK1	DTIN (Nùng), XĐBKK	70%	1,850,000	05	6,475,000	
TỔNG CỘNG								202,750,000	

Bằng chữ: Hai trăm lẻ hai triệu, bảy trăm năm mươi ngàn

GHI CHÚ:

- Sinh viên chưa đóng học phí theo quy định, không được xét miễn giảm học phí
- Sinh viên thuộc đối tượng DÂN TỘC ÍT NGƯỜI thuộc hộ nghèo, cận nghèo không nộp giấy chứng nhận, không được xét miễn giảm học phí

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM HỌC PHÍ HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026

(kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHXDMT ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐHXD Miền Trung)

TT	Mã sinh viên	Họ và	Lớp	Đối tượng miễn giảm học phí	Phần % miễn giảm theo QĐ 417/2025/QĐ-ĐHXDMT	Số tiền học phí học kỳ II năm học 2025-2026	Số tháng được nhận	Số tiền được giảm học kỳ II năm học 2025-2026	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	21DQ5801011016	ĐÌNH MINH NGỌC	D21KTR1	Con CBVC	50%	6,955,000	05	3,477,500	
2	22Q75802011009	ĐÌNH TRÍ TRỰC	D22XDK1	Con CBVC	50%	7,971,600	05	3,985,800	
3	24Q74802011040	TRẦN ĐĂNG HIỂN	D24CTC1	Con CBVC	50%	10,344,800	05	5,172,400	
4	25Q75802011166	LÊ HUỖNH PHÁT	D25XDK1	Con CBVC	50%	9,746,550	05	4,873,275	
5	23Q73401011025	NGUYỄN NGỌC HÂN	D23QHC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	7,975,300	05	1,595,060	Khối ngành III
6	21DQ5801011003	NGUYỄN NGỌC HUYỀN MY	D21KTR1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	6,955,000	05	1,391,000	
7	24Q73401221017	HUỖNH THỊ NGỌC HẢO	D24TMC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,897,300	05	1,779,460	
8	22Q75802011048	HUỖNH THANH HOÀNG	D22XDK2	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	7,971,600	05	1,594,320	
9	25Q75803011003	TRƯƠNG NGUYỄN CHINH	D25KXK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	05	1,949,310	
10	25Q75803011026	TRƯƠNG NGUYỄN CHIÊN	D25KXK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	05	1,949,310	
11	24Q75802011076	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	D24XDK3	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	11,267,550	05	2,253,510	
12	24Q75801011028	NGUYỄN TRỌNG TÂM	D24KTR1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,791,600	05	1,958,320	
13	22Q73401013023	HUỖNH NGUYỄN BẢO NGỌC	D22QHC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	5,716,400	05	1,143,280	Khối ngành

									III
14	22Q73401013022	HUỶNH NGUYỄN BÍCH NGỌC	D22QHC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	3,503,600	05	700,720	Khối ngành III
15	23Q75802051015	VĂN NGỌC TIỀN	D23CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,482,600	05	1,696,520	
16	23Q75802051016	VĂN NGỌC TÍNH	D23CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,482,600	05	1,696,520	
17	24Q75802051038	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	D24CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,092,250	05	2,018,450	
18	23Q75802051026	NGUYỄN VĂN TIẾN	D23CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,482,600	05	1,696,520	
19	25Q75803011024	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆU	D25KXK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	05	1,949,310	
20	25Q74802011025	ĐẶNG TRUNG TRỰC	D25CTC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,896,350	05	2,179,270	
21	22Q73403012015	ĐẶNG THỊ THUY LINH	D22KDC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	5,716,400	05	1,143,280	
22	23L74802011003	TRƯƠNG VÕ HOÀI THÁI	D23CTC4	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	6,968,000	05	1,393,600	
23	22Q73403012042	TRƯƠNG VÕ HỒNG THU	D22KDC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	4,425,600	05	885,120	Khối ngành III
24	25Q75803011016	TRƯƠNG THỊ KIỀU OANH	D25KXK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	05	1,949,310	
25	23Q75802051030	VÕ NGỌC TOÀN	D23CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	6,719,650	05	1,343,930	
26	23Q75802051014	VÕ NGỌC THẮNG	D23CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,763,650	05	1,752,730	
27	22Q75801031012	DƯƠNG THỊ MỸ LINH	D22KNT1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	7,639,450	05	1,527,890	
28	22Q75803021016	DƯƠNG THỊ MỸ LOAN	D22QXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	3,376,800	05	675,360	
29	23Q75803011002	NGUYỄN HUỶNH ĐA	D23KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,736,800	05	1,747,360	
30	23Q75803011013	LÊ THANH THIÊN	D23KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,736,800	05	1,747,360	

31	23Q75803011014	LÊ THỊ HOÀI THƯƠNG	D23KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường		8,736,800	05		Có anh, chị, e, TN trên 5 năm
32	22Q75803011004	ĐỖ ANH ĐOAN	D22KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường		8,200,800	05		Có anh, chị, e, TN trên 5 năm
33	24Q74802011032	PHẠM DIỆP GIA BẢO	D24CTC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường		10,344,800	05		Có anh, chị, e, TN trên 5 năm
34	23Q73403011044	NGUYỄN THỊ TÚ TRINH	D23KDC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	7,583,450	05	1,516,690	Khối ngành III
35	25Q75802011123	PHẠM QUỐC VƯƠNG	D25XDK3	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	05	1,949,310	
36	25Q75803021024	LÊ THỊ BẢO TRÂN	D25QXK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	05	1,949,310	
37	22Q75803011031	CAO NHƯ QUỲNH	D22KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,200,800	05	1,640,160	
38	22Q75802011034	TẠ CÔNG ĐẠT	D22XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường		7,971,600	05		Có anh, chị, e, TN trên 5 năm
39	22Q75802011136	NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ	D22XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường		7,971,600	05		Có anh, chị, e, TN trên 5 năm

40	24Q75106051037	TRẦN NGỌC TUẤN	D24LQC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,808,800	05	1,961,760	
41	22Q75803011002	HUỖNH THỊ THẢO CHI	D22KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường		8,200,800	05		Có anh, chị, e, TN trên 5 năm
42	22Q74802011005	NGUYỄN BÁ ĐOAN	D22CTC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	4,824,000	05	964,800	
43	22Q75802011130	TRƯƠNG CHÍ VINH	D22XDK2	Anh, chị, em ruột học cùng trường		7,971,600	05		Có anh, chị, e, TN trên 5 năm
44	22Q75803011007	NGUYỄN MINH HOÀNG	D22KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,200,800	05	1,640,160	
45	22Q75802011026	VÕ QUỐC DŨNG	D22XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường		7,971,600	05		Có anh, chị, e, TN trên 5 năm
46	25Q75802011080	ĐÀO TẤN NHẬT	D25XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	05	1,949,310	
47	25Q73403011020	MẠCH THU PHƯƠNG	D25KDC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,364,350	05	1,872,870	Khối ngành III
48	24Q75802011118	PHẠM GIA HUY	D24XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	11,267,550	05	2,253,510	
49	22Q75802011029	PHẠM KHÁNH DUY	D22XDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	7,971,600	05	1,594,320	
50	22Q75801011046	VÕ YẾN TƯỜNG VY	D22KTR1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,016,200	05	1,603,240	Hồ sơ mới
51	25Q75102051003	VÕ ĐỨC HUY	D25COK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,820,550	05	2,164,110	Hồ sơ mới
52	24Q73403011029	PHAN ANH HIẾU	D24KDC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,897,300	05	1,779,460	Hồ sơ mới

53	22Q75802051010	PHAN THÀNH HỌC	D22CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	8,916,950	05	1,783,390	Hồ sơ mới
54	23Q75802011004	LÊ QUỐC BẢO	D23XDK2	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,146,900	05	1,829,380	Hồ sơ mới
55	22Q75802011115	ĐẶNG VĂN TÍNH	D22XDK4	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,504,600	05	1,900,920	Hồ sơ mới
56	22Q75802011007	ĐẶNG VĂN TIỀN	D22XDK4	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	7,971,600	05	1,594,320	Hồ sơ mới
57	22Q75802051015	NGUYỄN KIỀU BẢO PHÚC	D22CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,938,950	05	1,987,790	Hồ sơ mới
58	24Q75102051081	NGUYỄN KIỀU PHÚC DUY	D24COK2	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	10,449,950	05	2,089,990	Hồ sơ mới
59	24Q75801011016	LÊ NGỌC QUỲNH PHƯƠNG	D24KTR1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,791,600	05	1,958,320	Hồ sơ mới
60	23Q75802051012	TRẦN NGUYỄN ANH QUÂN	D23CDK1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,070,250	05	1,814,050	Hồ sơ mới
61	25Q75802011148	TRẦN NGUYỄN MINH ĐẠT	D251XDK3	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,746,550	05	1,949,310	Hồ sơ mới
62	24Q75803011042	NGUYỄN THỊ THU HÀ	D24KXC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	9,889,200	05	1,977,840	Hồ sơ mới
63	22Q73403012058	NGUYỄN THỊ KIM ANH	D22KDC1	Anh, chị, em ruột học cùng trường	20%	5,716,400	05	1,143,280	Hồ sơ mới

TỔNG CỘNG								104,093,395	
------------------	--	--	--	--	--	--	--	--------------------	--

Bằng chữ: Một trăm lẻ bốn triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, ba trăm chín mươi lăm

GHI CHÚ:

- Sinh viên chưa đóng học phí theo quy định, không được xét giảm học phí
- Sinh viên có anh, chị, em ruột học tại trường đã tốt nghiệp trên 05 năm, không được xét giảm học phí

